

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2022/DS-PT

Ngày 01 - 12 - 2022

“V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản
và yêu cầu bồi thường thiệt hại”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm và ông Vũ Văn Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2022/TLPT-DS ngày 02/11/2022 về “*Tranh chấp kiện đòi tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2022/DSST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 214/2022/QĐ-PT ngày 08/11/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị V, sinh năm 1960; trú tại: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1990; trú tại: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

2. *Bị đơn:*

- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1985; trú tại: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Phan Thị T1 (Có mặt)

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985; (Đã chết)

* *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ:*

- Bà Hoàng Thị H; trú tại: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Phan Thị T1 (Có mặt)

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964; bà Phan Thị T1, sinh năm 1964; cùng trú tại: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

- Anh Nguyễn Bá Đ1, sinh năm 2003; trú tại: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của anh Đức: Bà Phan Thị T1 (Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964; Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1990; trú tại: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Ông N vắng mặt, anh T có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông N: Anh Nguyễn Quốc T; trú tại: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị V là nguyên đơn, bà Phan Thị T1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hoàng Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bá Đ1 và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 10/2/2020 của bà Phạm Thị V và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bà V là anh Nguyễn Quốc T trình bày:

Khoảng năm 2002 ba mẹ tôi (ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị V) có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông bà Nguyễn Kim B, Phan Thị H1 01 lô đất diện tích 6.369m² có trồng cà phê kinh doanh và diện tích 420m² đất liền kề Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk tiếp giáp với đất của ông Trần Văn S (nay là đất của ông Đ, bà H). Thủ tục sang tên mới hoàn tất đối với diện tích 6.369m², còn 420m² thì chưa hoàn tất và hai bên chỉ viết giấy tay với nhau vì nguồn gốc lô đất này do vợ chồng B, H1 nhận chuyển nhượng từ ông S, bà N vào năm 1999 nhưng cũng chưa làm thủ tục sang tên.

Đến năm 2009 ông Nguyễn Văn Đ và bà Hoàng Thị H là hộ có đất liền kề có hành vi lấn chiếm diện tích khoảng 765m² của ông N, bà V, do đó hai bên xảy ra tranh chấp nên bà H, ông Đ đã khởi kiện ông N, bà V để yêu cầu Tòa án buộc ông N, bà V trả lại diện tích 765m² cho bà H, ông Đ và đề nghị Tòa án xem xét lại hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Nguyễn Kim B, bà Phan Thị H1 với ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B1 và xem xét hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Nguyễn Kim B, bà Phan Thị H1 với bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn N.

Ngày 30/5/2011, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử lần 1 và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, ông Đ, buộc bà V, ông N trả lại 765m² đất cho bà H, ông Đ. Do đó, bà V, ông N kháng cáo nên ngày 21/3/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã hủy bản án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết lại. Ngày 11/9/2013 Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã xét xử lần 2, không chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, ông Đ và công nhận quyền sử dụng đất cho bà V, ông N, bà H, ông Đ kháng cáo nên ngày 21/4/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã sửa bản án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà H, ông Đ đồng thời công nhận quyền sử dụng 765m² cho bà V.

Do đó, bà V đã căn cứ vào Bản án số 36 ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng để hoàn tất thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần diện tích 765m² và hiện nay Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk đã cấp bìa đỏ cho bà V đối với phần diện tích 765m², đến năm 2014 thì bà H, ông Đ đã lấn chiếm phần đất này, chặt phá toàn bộ tài sản trên đất.

Để đảm bảo quyền lợi của mình, bà V khởi kiện ông Đ, bà H yêu cầu ông Đ, bà H trả lại diện tích 765m², bồi thường số tiền 80.000.000 đồng vì từ năm 2014 đến nay bà H ông Đ là người sử dụng toàn bộ 104 cây cà phê kinh doanh trên diện tích đất, di dời toàn bộ cây trồng trên đất này cho bà V.

Ngày 12/7/2021 Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm bằng Bản án số 54/2021/DSST, sau khi xét xử sơ thẩm không đồng ý với bản án đã tuyên nguyên đơn, bị đơn đã kháng cáo bản án sơ thẩm lên cấp phúc thẩm để xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Ngày 13/01/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xét xử và tuyên hủy bản án sơ thẩm số 54/2021/DSST. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị tòa án giải quyết yêu cầu ông Đ, bà H trả lại diện tích đất 765m², bồi thường số tiền 80.000.000 đồng vì từ năm 2014 đến nay bà H, ông Đ là người sử dụng toàn bộ 104 cây cà phê kinh doanh trên diện tích đất, di dời toàn bộ cây trồng trên đất này cho bà V.

- Về án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị H và anh Nguyễn Bá Đ đồng thời người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh Nguyễn Văn Đ là bà Phan Thị T1 trình bày:

Cuối năm 2004, vợ chồng bà H thông qua cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng có thỏa thuận với vợ chồng bà Lưu Thị B (tên gọi khác là Lưu Thị Ng), ông Trần Văn S, trả tiền vào ngân hàng E thay vợ chồng bà B (Ng), vợ chồng bà B (Ng) lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng và hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng bà H lô đất diện tích 7.848m², trong đó có 400m² đất thổ cư và 7.448m² đất nông nghiệp, trên đất có trồng cà phê tại Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn S (hiện ông S đã chết). Đến năm 2005 thủ tục sang nhượng hoàn tất và vợ chồng bà H đã được cấp giấy CNQSD đất và sử dụng lô đất theo quy định. Vị trí lô đất cụ thể: Đông giáp đất ông Th, Tây giáp đất bà Phạm Thị V, Nam giáp đường liên xã và Bắc giáp đất ông D.

Đến đầu 2005, gia đình bà Phạm Thị V là hộ có đất liền kề về phía Tây tự động lấn chiếm của vợ chồng bà H khoảng 765m², vị trí đất lấn chiếm: Đông giáp đất của vợ chồng bà H, Tây giáp đất bà V, Nam giáp đường liên xã và Bắc giáp đất của vợ chồng bà H. Do đó, năm 2009 vợ chồng bà H khởi kiện bà V, ông N để đòi lại 765m² đất này, bồi thường sản lượng cà phê mà bà V thu từ năm 2004-2009 và đề nghị xem xét hợp đồng chuyển nhượng QSD đất (viết tay) giữa ông Nguyễn Kim B, bà Phan Thị H và vợ chồng bà Lưu Thị B, ông Trần Văn S, xem xét hợp đồng giữa bà Phan Thị H, ông Trần Kim B và bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn N. Sau đó Tòa án huyện Krông Năng xét xử lần 1 (ngày 30/5/2011), buộc bà V, ông N trả lại đất cho vợ chồng bà H và hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa vợ chồng bà H, ông B đối với bà V, ông N, vì bà V

kháng cáo nên ngày 21/3/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết lại.

Đến ngày 11/9/2013 Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử lần 2, tại Bản án số 36 thì lại không chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng bà H, công nhận quyền sử dụng đất diện tích 765m² là của ông N, bà V, hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 22/01/2005 giữa bà Lưu Thị B với vợ chồng bà H và buộc bà B phải trả lại cho vợ chồng bà H số tiền 48.000.000 đồng. Sau đó vợ chồng bà H kháng cáo, tại Bản án số 51a/2014/DSST của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng bà H, hủy một phần bản án về hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 22/01/2005 giữa vợ chồng bà H và bà Lưu Thị B đối với diện tích 765m².

Sau đó bà V căn cứ vào bản án số 36 ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng để xin cấp giấy chứng nhận QSD 765m² đất, mặc dù bản án số 36 ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử và sửa bản án nhưng UBND huyện K lại ra quyết định 6310 ngày 01/11/2017 để hủy quyết định cấp bìa đỏ cho bà H mặc dù tại thời điểm này, giấy chứng nhận QSD đất số AC536504 cấp ngày 24/01/2005, diện tích 7.848m² đã được vợ chồng bà H thế chấp tại ngân hàng E từ năm 2015 để vay vốn phục vụ sinh hoạt gia đình. Không đồng ý với việc UBND huyện ra quyết định số 6310 để hủy việc cấp bìa đỏ số AC 536504 ngày 24/01/2005 cho vợ chồng bà H nên bà H đã khởi kiện vụ án hành chính đối với UBND huyện Krông Năng, yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định số 6310. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà H. Sau đó bà H tiếp tục khởi kiện Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk vì đã căn cứ vào bản án cấp bìa đỏ sai cho bà V nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà H.

Nay bà Vân khởi kiện bà H, ông Đ để đòi lại diện tích đất 765m² và yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 80.000.000 đồng. Lý do không đồng ý trả lại diện tích đất 765m² cho bà Vân vì: Diện tích 7.848m² (có bao gồm 765m²) do vợ chồng bà H mua hợp pháp, UBND huyện Krông Năng đã cấp giấy CNQSD đất số AC536504 ngày 24/01/2005. Việc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Phạm Thị V là hoàn toàn sai nên không đồng ý trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Phan Thị T1 ông không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DSST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 166, 186, 189, 190, 584, 588 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị V.

Buộc bà Hoàng Thị H phải trả lại cho bà Phạm Thị V diện tích 765m² đất. Vị trí: Phía Đông giáp đất bà H dài 160m; Phía Tây giáp đất bà V dài 159,1m; Phía Nam giáp đường liên thôn rộng 4,8m và phía Bắc giáp đất bà H rộng 4,8m, tại Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 15/10/2018 cho bà Phạm Thị V.

Buộc bà Hoàng Thị H phải di dời, chặt bỏ 01 hàng rào lưới B40 cao 1,2m, 100 trụ xi măng, có 03 sợi thép gai phía trên chiều dài 160,8m, 95 trụ tiêu (trụ xi măng) có mỗi tiêu trồng năm 2014-2015, 105 trụ tiêu (trụ xi măng) không có mỗi tiêu; 30 cây bơ booth trồng năm 2015; 06 cây mít thái trồng năm 2018 ra khỏi diện tích đất 765m².

Bác phân yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 80.000.000 đồng của bà Phạm Thị V.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/8/2022 bà Phan Thị T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 25/8/2022, nguyên đơn bà Phạm Thị V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét buộc bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ là ông T2, bà T1 phải bồi thường giá trị sử dụng đất cho bà từ năm 2014 đến nay với số tiền 80.000.000 đồng.

Ngày 24/11/2022 nguyên đơn bà Phạm Thị V có đơn xin rút đơn khởi kiện bổ sung và xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo về việc yêu cầu bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ là ông T2, bà T1 phải bồi thường giá trị sử dụng đất cho bà từ năm 2014 đến nay với số tiền 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phan Thị T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DSST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đối với yêu cầu khởi kiện của bà V đòi bà Hoàng Thị H trả diện tích đất 765m² cho bà Phạm Thị V.

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DSST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk và đình chỉ giải quyết đối với đơn khởi kiện bổ sung của bà Phạm Thị V về số tiền 80.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị V và bà Phan Thị T1 trong thời hạn luật định, bà V là người cao tuổi, bà T1 thuộc hộ nghèo đều được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Vì vậy, vụ án được giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Phan Thị T1 thấy rằng:

Năm 2009 vợ chồng bà Hoàng Thị H khởi kiện bà V, ông N để đòi diện tích đất 765m², bồi thường sản lượng cà phê mà bà V thu từ năm 2004-2009, đề nghị xem xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (viết tay) giữa ông Nguyễn Kim B, bà Phan Thị H1 và vợ chồng bà Lưu Thị B1 và ông Trần Văn S, xem xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phan Thị H1, ông Trần Kim B và bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn N, vụ án đã được giải quyết tại nhiều bản án và tại bản án có hiệu lực pháp luật số 51a, ngày 21/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên: Bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng diện tích đất 765m² (Đất có vị trí tứ cận: Nam giáp đường liên thôn rộng 4,8m, Bắc giáp đất anh Đ rộng 4,8m, Đông giáp đất anh Đ dài 160m và Tây giáp đất bà V dài 160m) tại Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy, bà V, ông N đã được Tòa án công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với phần diện tích đất 765m² mà các bên tranh chấp. Căn cứ vào bản án trên, bà V đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần diện tích 765m² và ngày 15/10/2018 Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193 cho bà V đối với phần diện tích 765m². Sau khi bà V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Văn Đ đã làm đơn khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 15/10/2018 cho bà Phạm Thị V. Tại Bản án số 22 ngày 03/9/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên: Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/10/2018 cho bà Phạm Thị V. Sau đó, ông Đ đã làm đơn kháng cáo đến Tòa án cấp phúc thẩm. Tại Bản án số 30 ngày 24/11/2020 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tuyên: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/10/2018 cho bà Phạm Thị V.

Do đó, lô đất diện tích 765m² đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193 ngày 15/10/2018 cho bà Phạm Thị V thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của bà Phạm Thị V nên việc bà V khởi kiện đòi lại tài sản quyền sử dụng đất là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2] Căn cứ kết quả giải quyết tại Bản án số 51a, ngày 21/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, phần diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của

nguyên đơn được xác lập hợp pháp từ ngày 24/4/2014. Việc bị đơn bà H không tự nguyện giao trả đất mà cố tình trồng các loại cây trên diện tích đất không thuộc quyền quản lý sử dụng của mình là trái pháp luật. Do vậy, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải tháo dỡ, di dời, chặt bỏ các tài sản gồm: 95 trụ tiêu (trụ xi măng) có mỗi tiêu trồng năm 2014-2015, 105 trụ tiêu (trụ xi măng) không có mỗi tiêu; 30 cây bơ booth trồng năm 2015; 06 cây mít thái trồng năm 2018, 01 hàng rào trụ xi măng cao 3,5m, lưới B40 cao 1,2m; 03 sợi thép gai dài 168m, 100 trụ xi măng là có căn cứ.

[2.3] Đối với đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bồi thường số tiền 80.000.000 đồng của nguyên đơn: Ngày 24/11/2022 nguyên đơn bà Phạm Thị V có đơn xin rút đơn khởi kiện bổ sung và rút toàn bộ đơn kháng cáo về việc buộc bà H và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ phải bồi thường giá trị sử dụng đất cho bà từ năm 2014 đến nay với số tiền 80.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà T1 là người đại diện ủy quyền của bị đơn bà H và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đồng ý việc rút đơn khởi kiện bổ sung của bà V nên Hội đồng xét xử cần hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với đơn kiện bổ sung yêu cầu bồi thường 80.000.000 đồng của bà V.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phan Thị T1.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện đòi bà H trả diện tích đất 765m² cho bà V.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với đơn kiện bổ sung của bà V về việc buộc bà H và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ là ông T2, bà T1 phải bồi thường giá trị sử dụng đất cho bà từ năm 2014 đến nay với số tiền 80.000.000 đồng.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phan Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Phan Thị T1 thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Phạm Thị V phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà V là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ Điều 289; Điều 295; Điều 299; khoản 1 Điều 308; Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phan Thị T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DSST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng,

tỉnh Đắk Lắk đối với yêu cầu khởi kiện của bà V đòi bà Hoàng Thị H trả diện tích đất 765m² cho bà Phạm Thị V.

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DSST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk và Đình chỉ giải quyết đối với đơn khởi kiện bổ sung của bà Phạm Thị V về việc buộc bà Hoàng Thị H và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Đ là ông Nguyễn Văn T2, bà Phan Thị T1 phải bồi thường cho bà V số tiền 80.000.000đồng.

[2] Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các điều 166, 186, 189, 190, 584, 588 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị V.

Buộc bà Hoàng Thị H phải trả lại cho bà Phạm Thị V diện tích đất 765m². Đất có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất bà H dài 160m; Phía Tây giáp đất bà V dài 160m; Phía Nam giáp đường liên thôn rộng 4,8m và phía Bắc giáp đất bà H rộng 4,8m. Vị trí lô đất tại Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/10/2018 cho bà Phạm Thị V.

Buộc bà Hoàng Thị H phải tháo dỡ, di dời, chặt bỏ các tài sản gồm: 95 trụ tiêu (trụ xi măng) có mỗi tiêu trồng năm 2014-2015, 105 trụ tiêu (trụ xi măng) không có mỗi tiêu; 30 cây bơ booth trồng năm 2015; 06 cây mít thái trồng năm 2018, 01 hàng rào trụ xi măng cao 3,5m, lưới B40 cao 1,2m; 03 sợi thép gai dài 168m, 100 trụ xi măng ra khỏi diện tích đất 765m².

[3] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Bà Hoàng Thị H phải nộp 3.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị V số tiền 3.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản sau khi thu được của bà Hoàng Thị H.

[4]. Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị V phải nộp 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 1.050.000 đồng mà bà Phạm Thị V đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002731 ngày 22/11/2019 và số tiền 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số

AA/2019/0002877 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng. Bà Phạm Thị V còn phải tiếp tục nộp 1.700.000 đồng.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị V là người cao tuổi, bà Phan Thị T1 thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng